

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 25 -6 -2021

“V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Quang Huân

2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ*** tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp chia thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng T - sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 4, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

*Bị đơn:* Cụ Nguyễn Thị C - sinh năm 1941.

Địa chỉ: Tổ 3, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Bùi Thị Thanh N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Xuân H - sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 125, An Tân M, quận H, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Hồng L (tức Lê Hồng L) - sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 19, khu dân cư T, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

3. Chị Lê Thị Khánh H - sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 2A, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

4. Anh Lê Thái S - sinh ngày 10/11/2003.

Địa chỉ: Tổ 3, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của anh Lê Thái S:* Bà Nguyễn Thị Kim H - sinh năm 1970. Là mẹ đẻ của Lê Thái S

Địa chỉ: Tổ 3, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Xuân H, bà Lê Thị Hồng L:* Bà Lê Thị Hồng T - sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 4, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Theo Giấy ủy quyền đề ngày 15/12/2020.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Lê Thị Xuân H và bà Lê Thị Hồng L là bà Lê Thị Hồng T trình bày:*

Cụ Lê Hồng T kết hôn với cụ Nguyễn Thị C và sinh được 04 người con gồm: Lê Quang M, Lê Thị Hồng T, Lê Thị Xuân H và Lê Thị Hồng L. Ông Lê Quang M có 02 người con là Lê Thị Khánh H và Lê Thái S.

Ngày 15/6/2008, ông Lê Quang M chết và ngày 06/4/2017, bố bà là cụ Lê Hồng T chết. Khi chết ông M và cụ T không để lại di chúc gì. Bố đẻ của cụ T là Lê Bá N và mẹ đẻ của cụ T là Nguyễn Thị B đã chết từ khi cụ Lê Hồng T còn nhỏ.

Lúc còn sống, cụ T và cụ C có tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất diện tích đất 210,4 m<sup>2</sup> (trong đó: 162,5m<sup>2</sup> đất ở và 47,9m<sup>2</sup> đất vườn) Tộc thừa đất số 96, tờ bản đồ số 7, thuộc tổ 3, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân thị xã P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị C, ông Lê Hồng T và tài sản gắn liền với đất: Một nhà xây cấp 4 nằm trên diện tích đất trên. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích đất trên còn 207,3m<sup>2</sup>. Sở dĩ việc giảm 3,1m<sup>2</sup> trên là do sai số đo đạc chứ không có sự tranh chấp với các hộ giáp ranh. Và cụ T cũng không để lại bất kỳ nghĩa vụ tài sản gì.

Nay, bà yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế của cụ T để lại là ½ diện tích đất 207,3m<sup>2</sup> (trong đó: 162,5m<sup>2</sup> đất ở và 44,8m<sup>2</sup> đất vườn) thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 7, thuộc tổ 3, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ và ½ tài sản gắn liền với đất: Một nhà xây cấp 4 nằm trên diện tích đất trên theo quy định của pháp luật. Phần của bà, bà H và bà L được hưởng đều xin nhận. Trước đây, bà xin nhận sử dụng phần đất thừa kế của bà, của bà Lê Thị Xuân H và bà Lê Thị Hồng L và bà sẽ thanh toán cho bà Lê Thị Xuân H và bà Lê Thị Hồng L giá trị

phần thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật. Sau đó bà xin thay đổi quan điểm là bà để lại cho cụ C sử dụng và sở hữu toàn bộ hiện vật nhà, đất trên và cụ C sẽ thanh toán cho các đồng thừa kế bằng giá trị được hưởng theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án bị đơn cụ Nguyễn Thị C, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ C bà Bùi Thị Thanh N trình bày:*

Cụ Nguyễn Thị C kết hôn với cụ Lê Hồng T đăng ký kết hôn năm 1958. Cụ C và cụ T có 04 người con chung: Lê Quang M - sinh năm 1965 và chết năm 2008, Lê Thị Hồng T - sinh năm 1968, Lê Thị Xuân H - sinh năm 1970 và Lê Thị Hồng L - sinh năm 1974.

Khi chung sống cụ và cụ T có tài sản chung gồm: nhà xây cấp bốn và quyền sử dụng diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 210,4m<sup>2</sup>, nhưng khi đo đạc diện tích đất là 207,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 7 tại tổ 3 khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sở dĩ diện tích đất thiếu 3,1m<sup>2</sup> là do sai số đo đạc chứ không có tranh chấp gì đối với các hộ giáp ranh.

Năm 2017 cụ Lê Hồng T chết không để lại di chúc. Bố, mẹ của cụ Lê Hồng T đã chết từ khi cụ T còn nhỏ. Ông Lê Quang M sinh được 2 con là Lê Thị Khánh H và Lê Thái S. Khi chết, cụ T không để lại nghĩa vụ tài sản nào. Sau khi cụ T chết cụ là người quản lý tài sản thừa kế của cụ T để lại nhưng cụ cũng không sửa sang, tu bổ gì thêm.

Nay bà Lê Thị Hồng T đề nghị Tòa án chia tài sản thừa kế là tài sản của cụ T trong khối tài sản chung trên. Cụ C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho cụ vì khi chết cụ T không để lại di chúc. Trước đây, cụ xin nhận phần thừa kế của cụ T và cụ xin sở hữu toàn bộ nhà xây cấp 4 và 01 phần mái tôn và phần đất chia thừa kế của cháu S, cháu H. Cụ sẽ thanh toán giá trị thừa kế phần của cháu S, cháu H theo quy định của pháp luật. Nay cụ xin thay đổi quan điểm là do điều kiện hoàn cảnh cụ không có chỗ ở nào khác nên cụ xin sở hữu và sử dụng toàn bộ nhà, đất trên và cụ sẽ thanh toán cho các đồng thừa kế giá trị phần được hưởng theo quy định của pháp luật. Cụ không yêu cầu thanh toán công sức duy trì quản lý tài sản thừa kế của cụ T để lại.

*\*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Thái S và người đại diện hợp pháp của anh Lê Thái S, bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Anh Lê Thái S là con chung của ông Lê Quang M và bà Nguyễn Thị Kim H. Bố đẻ anh S là ông Lê Quang M chết năm 2008, không để lại di chúc gì. Nay bà Lê Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Lê Hồng T là một nửa diện tích đất và nhà ở trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Thị C ở khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Do anh S chưa thành niên, bà H đại diện cho anh S cũng nhất trí đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của cụ T là nhà và đất trong khối tài sản chung cùng với cụ C. Quan điểm của anh S và người đại diện hợp pháp bà H nhất trí chia thừa kế tài sản theo quy định của pháp luật, về phần thừa kế của anh S xin nhận theo quy định của pháp luật và đồng ý để cụ C sở hữu, sử dụng thanh toán giá trị phần được hưởng cho anh S.

\*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau:

- Diện tích đất đo thực tế là 207,3m<sup>2</sup> trong đó có 162,5m<sup>2</sup> đất ở và 44,8m<sup>2</sup> đất vườn Tộc thừa đất số 96, tờ bản đồ số 7 tại tổ 3 khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trị giá 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng);

-Nhà xây, bếp và công trình phụ gắn liền với bếp diện tích xây dựng 82,4m<sup>2</sup> có giá trị 32.023.000đ (Ba mươi hai triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng)

-Mái tôn và sân diện tích 39,4m<sup>2</sup> trị giá 2.040.000đ (Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất là 754.063.000đ (Bảy trăm năm mươi tư triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

\*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 5 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điều 611, 612, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1, điều 12, điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia tài sản thừa kế của cụ Lê Hồng T bao gồm 81,25 m<sup>2</sup> đất ở và 22,4 m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thừa đất số 96, tờ bản đồ số 7 tại tổ 3 khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 096451 do UBND thị xã P cấp ngày 24/6/2005 mang tên cụ Lê Hồng T và cụ Nguyễn Thị C và ½ tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà cấp bốn diện tích 82,82 m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật. Tổng giá trị tài sản thừa kế của cụ T là 377.031.500 đồng.

Cụ Nguyễn Thị C được sử dụng, sở hữu toàn bộ tài sản thừa kế của cụ Lê Hồng T. Đồng thời, cụ C có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế khác như sau:

Thanh toán cho bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Xuân H và bà Lê Thị Hồng L số tiền: 75.406.300 đồng/người, làm tròn 75.406.000đồng.

Thanh toán cho anh Lê Thái S (do bà Nguyễn Thị Kim H đại diện): số tiền: 37.703.150 đồng,.

Thanh toán cho chị Lê Thị Khánh H: số tiền: 37.703.150 đồng, làm tròn 37.703.000đồng.

+ Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

Ngày 06/4/2017, cụ Lê Hồng T chết không để lại di chúc. Ngày 21/11/2020, bà Lê Thị Hồng T có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Lê Hồng T để lại là  $\frac{1}{2}$  (nhà ở và quyền sử dụng đất 207,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 7 tại tổ 3 khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ) trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Thị C. Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là cụ Nguyễn Thị C có nơi cư trú tại phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo khoản 5 điều 26, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị Hồng L và bà Lê Thị Xuân H có văn bản ủy quyền cho bà Lê Thị Hồng T tham gia tố tụng và giải quyết vụ án. Bị đơn cụ Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ C có mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thái S và người đại diện hợp pháp của anh S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Lê Thị Khánh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng chị H vắng mặt không lý do nên không có quan điểm trình bày tại Tòa án. Phiên tòa ngày 26/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Lê Thị Khánh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa ngày 25/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Lê Thị Khánh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Khánh H.

### [2]. Về nội dung:

*\*Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 06/4/2017, cụ T chết. Ngày 21/11/2020 bà Lê Thị Hồng T có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Vì vậy, căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu chia di sản của cụ Lê Hồng Thông còn trong thời hiệu khởi kiện.

*\*Về thời điểm, địa điểm mở thừa kế:* Cụ Lê Hồng T chết ngày 06 tháng 4 năm 2017 và có nơi cư trú cuối cùng tại tổ 3, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ và khi chết cụ T không để lại di chúc. Như vậy, theo Điều 611 Bộ luật dân sự thì thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Hồng T là ngày 06/4/2017. Địa điểm mở thừa kế là tại địa chỉ tổ 3, khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

*\*Về người thừa kế:* Cụ Lê Hồng T và cụ Nguyễn Thị C có 4 người con chung là Lê Quang M, Lê Thị Hồng T, Lê Thị Xuân H và Lê Thị Hồng L. Ngoài ra cụ T và cụ C không có người con riêng, con nuôi nào khác, bố mẹ của cụ T đều đã chết trước cụ T. Con trai của T là ông Lê Quang M đã chết năm 2008, ông M có 2 người con là Lê Thị Khánh H và Lê Thái S. Chị H và anh S được hưởng thừa kế thế vị phần của ông M được hưởng thừa kế của cụ T theo quy định tại điều 652 của Bộ luật dân sự. Theo quy định tại điều 651 Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất tài sản của cụ T gồm: cụ C, bà T, bà H và bà L. Như vậy, xác định người thừa kế tài sản của cụ T gồm có 6 người là: Cụ Nguyễn Thị C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Xuân H, bà Lê Thị Hồng L, chị Lê Thị Khánh H và anh Lê Thái S.

*\*Về tài sản thừa kế:* Thừa đất số 96, tờ bản đồ số 7 tại tổ 3 khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ C và cụ T vào ngày 24 tháng 6 năm 2005 trước thời điểm cụ T chết, có tổng diện tích 347,9m<sup>2</sup>. Sau đó, cụ C và cụ T đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N nên diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 210,4m<sup>2</sup> trong đó diện tích đất ở là 162,5m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn là 47,9m<sup>2</sup>. Qua đo đạc thực tế, diện tích đất còn lại là 207,3m<sup>2</sup> trong đó diện tích đất ở là 162,5m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn là 44,8m<sup>2</sup>. Các đương sự cũng thừa nhận sở dĩ có sự thiếu hụt 3,1m<sup>2</sup> đất so với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do đo đạc chứ không có sự tranh chấp lấn chiếm gì giữa các hộ giáp ranh. Như vậy, đây là tài sản chung của vợ chồng cụ T và cụ C. Do đó, di sản của cụ T để lại sẽ được xác định là 1/2 (giá trị các công trình xây dựng và quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên) theo Điều 612 của Bộ luật dân sự.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/3/2021 Hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự đã xác định giá trị nhà trên đất và quyền sử dụng đất trên có trị giá là:

- Diện tích đất đo thực tế là 207,3m<sup>2</sup> trong đó có 162,5m<sup>2</sup> đất ở và 44,8m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 7 tại tổ 3 khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trị giá 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng);

-Nhà xây, bếp và công trình phụ gắn liền với bếp diện tích xây dựng 82,4m<sup>2</sup> có giá trị 32.023.000đ (Ba mươi hai triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng)

-Mái tôn và sân diện tích 39,4m<sup>2</sup> trị giá 2.040.000đ (Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất là 754.063.000đ (Bảy trăm năm mươi tư triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Như vậy, phần di sản của cụ T để lại là 754.063.000 đồng : 2 = 377.031.500 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu không trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

*\*Về phân chia di sản:* Như đã nhận định ở trên, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Hồng T gồm 4 người, 02 người được thừa kế thế vị và phạm vi tài sản được đem xem xét để chia thừa kế chỉ bao gồm di sản của cụ T là

1/2 (giá trị nhà và các công trình phụ trợ và quyền sử dụng diện tích 207,3m<sup>2</sup> trong đó có 162,5m<sup>2</sup> đất ở và 44,8m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 7 tại tổ 3 khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ). Ngoài ra, các đương sự đều xác định cụ T không có nghĩa vụ về tài sản, trước khi cụ T chết cụ C là người trực tiếp chăm sóc và cụ C cũng không yêu cầu thanh toán công sức duy trì, quản lý tài sản của cụ T để lại. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự thì di sản của cụ T sẽ được chia thành 5 phần, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T (gồm: cụ C, bà T, bà H và bà L) được nhận một kỷ phần bằng nhau, tương đương với số tiền  $377.031.500 \text{ đồng} : 5 = 75.406.300 \text{ đồng}$ , làm tròn 75.406.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu bốn trăm linh sáu nghìn đồng), còn những người thừa kế thế vị (gồm chị H và anh S) được hưởng  $\frac{1}{2}$  một kỷ phần mà ông M được hưởng tương đương với số tiền là  $75.406.300 \text{ đồng} : 2 = 37.703.150 \text{ đồng}$ , làm tròn 37.703.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bảy trăm linh ba nghìn đồng).

*\* Về chia di sản bằng hiện vật và thanh toán kỷ phần thừa kế:* Đối với việc phân chia những phần tài sản bằng hiện vật, Hội đồng xét xử nhận thấy hiện trạng thực tế, nhà trên đất và quyền sử dụng đất 207,3m<sup>2</sup> trong đó có 162,5m<sup>2</sup> đất ở và 44,8m<sup>2</sup> đất vườn thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 7 tại tổ 3 khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ là hợp nhất. Do vậy việc chia nhà, đất trên thành nhiều phần riêng biệt để chia cho cụ C và những người được chia tài sản thừa kế của cụ theo kỷ phần được hưởng là không thể thực hiện được. Mặt khác, cụ C là người đồng sở hữu các công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng thửa đất trên cùng với cụ T, được nhận 1/2 giá trị tài sản và 1 kỷ phần thừa kế (trị giá là  $377.031.500 \text{ đồng} + 75.406.300 \text{ đồng} = 452.437.800 \text{ đồng}$ ), bản thân cụ C không có nơi ở nào khác. Cả bà T và cụ C đều thống nhất là để cụ C sử dụng và sở hữu toàn bộ nhà, đất trên và thanh toán cho các đồng thừa kế giá trị tương ứng với phần thừa kế mà họ được hưởng theo quy định của pháp luật. Việc đề nghị này là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 660 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ giao toàn bộ cho cụ C sở hữu nhà ở, bếp, công trình xây dựng và quyền sử dụng đất là 207,3m<sup>2</sup> đã được UBND thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời sẽ buộc cụ C phải thanh toán cho những người được hưởng thừa kế khác phần di sản mà họ được hưởng bằng tiền. Cụ thể, cụ C phải thanh toán trị giá kỷ phần thừa kế cho bà T, bà L, bà H mỗi người là 75.406.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu bốn trăm linh sáu nghìn đồng); cụ C phải thanh toán trị giá kỷ phần thừa kế cho chị H, anh S mỗi người là 37.703.000 đồng.

[3]. *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:* Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T đã nộp tạm ứng và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí:*

Cụ Nguyễn Thị C là người cao tuổi và là người có công với cách mạng, ngày 2/5/2021, cụ Nguyễn Thị C có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/QH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, và Điều 2 Luật Người cao tuổi thì cụ C được miễn nộp tiền án phí. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự cho cụ Nguyễn Thị C.

Bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Xuân H và bà Lê Thị Hồng L mỗi người phải chịu án phí dân sự tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng là 75.406.000 đồng x 5% = 3.770.300đồng, làm tròn 3.770.000đồng.

Chị Lê Thị Khánh H, anh Lê Thái S (do bà Nguyễn Thị Kim H đại diện) mỗi người phải chịu án phí dân sự tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng là 37.703.000đồng x 5% = 1.885.150đồng, làm tròn 1.885.000đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 5 điều 26, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39; khoản 2, khoản 5 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 611, điều 612; điều 623; điều 649; điều 650; điều 651; điều 652 và điều 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Lê Thị Hồng T.

Xác nhận tài sản thừa kế của cụ Lê Hồng Thông để lại là 1/2 (nhà, các công trình phụ trợ và quyền sử dụng diện tích 207,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 7 tại tổ 3 khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ) có tổng giá trị là 377.031.500 đồng (*Ba trăm bảy mươi bảy triệu không trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng*).

Giao cho cụ Nguyễn Thị C sở hữu toàn bộ nhà ở và các công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng diện tích đất 207,3m<sup>2</sup> (trong đó có 162,5m<sup>2</sup> đất ở và 44,8m<sup>2</sup> đất vườn) Tộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 7 tại tổ 3 khu dân cư P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 096451 ngày 24/6/2005 mang tên bà Nguyễn Thị C, ông Lê Hồng T (Có bản trích đo địa chính hiện trạng ngày 09/3/2021 kèm theo). Tổng trị giá tài sản là 754.063.000đ (*Bảy trăm năm mươi tư triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

Cụ Nguyễn Thị C phải thanh toán cho bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Xuân H và bà Lê Thị Hồng L (Lê Hồng L) trị giá kỷ phần thừa kế được hưởng mỗi người là 75.406.300đ, làm tròn 75.406.000đ (*Bảy mươi lăm triệu bốn trăm linh sáu nghìn đồng*).

Cụ Nguyễn Thị C phải thanh toán cho chị Lê Thị Khánh H, anh Lê Thái S (do bà Nguyễn Thị Kim H đại diện) trị giá kỷ phần thừa kế được hưởng mỗi người là 37.703.150đ, làm tròn 37.703.000đ (*Ba mươi bảy triệu bảy trăm linh ba nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T, bà H, bà L, chị H và anh S (do bà H đại diện) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, cụ C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.



## 2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nguyễn Thị C.

Bà Lê Thị Hồng T phải chịu 3.770.000đồng (Ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002619 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Bà Lê Thị Hồng T còn phải nộp tiếp 3.470.000đ (Ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Xuân H, bà Lê Thị Hồng L (Lê Hồng L) mỗi người phải chịu 3.770.000đ (Ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Khánh H, anh Lê Thái S (do bà Nguyễn Thị Kim H đại diện) mỗi người phải chịu 1.885.000đ (Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- VKSND thị;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thu Hiền**